TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DSST
Ngày: 09/9/2021
"*Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huy Viễn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Drênh.
2. Ông Nguyễn Quang Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2020/TLST-DS ngày 02/12/2020, về việc "***Tranh chấp hợp đồng tín dụng***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-DS, ngày 24/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ông Hoàng Văn l, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K (Theo Quyết định về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng N).

Người được ủy quyền lại: Bà Đoàn Thị Như H, Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K (Theo Giấy ủy quyền lại số 59/2020/NHNo KCR -UQ ngày 27/11/2020 của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K).

Bà H có mặt;

- Bị đơn: Ông Trương Tất S, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn 9, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2020 và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày: Theo hợp đồng tín dụng số 171201.15/HĐTD, ngày 01/12/2017 ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T có thỏa thuận vay của Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - chi nhánh huyện K với hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và lãi phát sinh. Cụ thể:

Tại Giấy nhận nợ số 01/GNN, ngày 01/12/2017 ông S và bà T đã nhận số tiền vay theo thỏa thuận là 200.000.000 đồng, lãi suất vay là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay, lãi chậm trả lãi là 10%/năm, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/12/2019 phân thành 2 kỳ trả nợ: Ngày 01/12/2018 trả nợ gốc là 20.000.000 đồng, ngày 01/12/2019 trả nợ gốc là 180.000.000 đồng, phân kỳ trả lãi là 6 tháng 1 kỳ trả vào ngày thứ 01. Hiện còn dư nợ là 160.000.000 đồng.

Tại Giấy nhận nợ số 02/GNN, ngày 14/12/2018 ông S và bà T đã nhận số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất vay là 11,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi là 10%/năm, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 14/12/2018 đến ngày 14/12/2019, phân kỳ trả lãi là 3 tháng 1 kỳ vào ngày thứ 14. Hiện còn dư nợ là 20.000.000 đồng.

Khoản vay này có bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 150850.03/HĐTC ngày 29/08/2015, chứng thực ngày 31/08/2015 do ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T đứng tên bên thế chấp; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 552237 do UBND huyện K cấp ngày 07/05/2010 đứng tên ông S và bà T, Giấy xác nhận quyền sở hữu nhà ở tạm thời do UBND xã Y ký ngày 29/08/2015 (diện tích đất thế chấp gồm có đất ở 400 m^2 và 1.600m^2 đất trồng cây hàng năm).

Hiện tại khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 01/12/2019 do khách hàng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo giấy nhận nợ.

Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - chi nhánh huyện K đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông S và bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo giấy nhận nợ số 01/GNN ngày 01/12/2017 và giấy nhận nợ 02/GNN ngày 14/12/2018. Tuy nhiên đến nay, ông S và bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng. Căn cứ các nội dung nêu trên và khoản 6.1 điều 6 hợp đồng tín dụng mà 2 bên đã ký kết, Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - chi nhánh huyện K yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T phải trả nợ cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - chi nhánh huyện K toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận.

- Nếu ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - chi nhánh huyện K yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo của ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - chi nhánh huyện K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông S và bà T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Khi khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông S và bà T phải trả số tiền nợ gốc theo 02 Giấy nhận nợ là 180.000.000 đồng,

tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì vào ngày 14/6/2021 ông S và bà T có trả cho nguyên đơn được 20.000.000 đồng nợ gốc nên số nợ gốc còn lại chỉ là 160.000.000 đồng và nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc còn lại này cộng với số nợ lãi trong hạn là 9.398.630 đồng, nợ lãi quá hạn là 49.111.645 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 1.666.895 đồng, tổng cộng là 220.177.170 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Về phía bị đơn trong vụ án là ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 9, xã Y, huyện k, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông S và bà T vẫn vắng mặt, không tham gia tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay và không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên toà, khẳng định: Toà án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp; các thủ tục tố tụng được đảm bảo đúng thời hạn theo đúng quy định của pháp luật riêng thời hạn chuẩn bị xét xử thì có sự vi phạm; nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn chấp hành không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Chấp nhận yêu cầu về nợ gốc, nợ lãi quá hạn, lãi chậm trả và xử lý tài sản bảo đảm.

Theo đó: Buộc ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T phải trả cho A toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 09/9/2021 là 220.177.170 đồng (trong đó nợ gốc là 160.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 9.398.630 đồng, nợ lãi quá hạn là 49.111.645 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 1.666.895 đồng) và trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy nhận nợ số 01/GNN ngày 01/12/2017 và Giấy nhận nợ số 02/GNN ngày 14/12/2018 kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thực tế ông S và bà T trả hết nợ gốc.

Về xử lý tài sản bảo đảm: Nếu ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A thông qua A chi nhánh huyện K đề nghị chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Trương Tất S và bị Nguyễn Thị T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút về phần yêu cầu nợ gốc.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trương Tất S và bà Nguyễn

Thị T chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Theo đó, ông S và bà T có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn chi phí tạm ứng đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng N ủy quyền cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K khởi kiện ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T để yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 171201.15/HĐTD, ngày 01/12/2017 do đó đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Ông S và bà T có địa chỉ cư trú tại thôn 9, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai. Do đó, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn trong vụ án là ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nêu trên nhưng đều vắng mặt không lý do. Chính vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà là đúng với quy định tại các Điều 227 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông S và bà T phải chịu hậu quả của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Theo Hợp đồng tín dụng số 171201.15/HĐTD lập ngày 01/12/2017 giữa Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N – chi nhánh huyện K với ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T thì ông S, bà T có vay của Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N – chi nhánh huyện K với hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng, mục đích vay nhằm chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình, thời hạn vay là 36 tháng, kể từ ngày 01/12/2017, hình thức vay có bảo đảm.

Ngày 01/12/2017, ông S và bà T nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 01/GNN, thỏa thuận lãi suất vay là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay, lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm, thời hạn vay là 24 tháng, phân thành 02 kỳ trả nợ: Vào ngày 01/12/2018 trả 20.000.000 đồng và ngày 01/12/2019 trả 180.000.000 đồng, phân kỳ trả lãi là 06 tháng/kỳ. Hiện khoản vay này còn dư nợ là 140.000.000 đồng.

Ngày 14/12/2018, ông S và bà T tiếp tục nhận nợ số tiền 20.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 02/GNN, lãi suất vay là 11,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay, lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, phân kỳ trả lãi là 03 tháng/kỳ. Hiện khoản vay này còn dư nợ là 20.000.000 đồng.

Xét việc thỏa thuận xác lập hợp đồng, giấy nhận nợ giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức phù hợp nên phát sinh hiệu lực, hai bên có nghĩa vụ thực hiện các cam kết đã thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 01/12/2017 đến thời điểm Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N – chi nhánh huyện K khởi kiện, ông S và bà T không thực hiện hoàn trả tiền vay theo thời hạn như đã thỏa thuận. Như vậy, ông S và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận tại điểm a khoản 6.1 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông S và bà T phải thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi chưa thanh toán đến ngày 23/11/2020 và tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày 23/11/2020 cho đến ngày thực tế ông S và bà T trả hết nợ gốc là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về số tiền gốc phải trả, cụ thể: Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông S và bà T phải trả số tiền nợ gốc theo 02 Giấy nhận nợ là 180.000.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì ngày 14/6/2021 ông S và bà T có trả cho nguyên đơn được 20.000.000 đồng nợ gốc nên số nợ gốc còn lại chỉ là 160.000.000 đồng và nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc còn lại này. Nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Xét việc thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, đúng theo quy định tại các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp với Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối chiếu bảng sao kê lãi suất do nguyên đơn cung cấp thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/9/2021, ông Sìu và bà Tươi còn nợ Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K tổng số tiền là 220.177.170 đồng trong đó nợ gốc là 160.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 9.398.630 đồng, nợ lãi quá hạn là 49.111.645 đồng, nợ lãi chậm trả là 1.666.895 đồng.

Như vậy, cần buộc ông S và bà T phải trả cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K toàn bộ số nợ nói trên là phù hợp.

[3]. Về xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 150850.03/HĐTC ngày 29/8/2015 giữa Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K với ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T được giao kết hoàn toàn tự nguyện, đúng thủ tục và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đối với thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 2.000m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở và 1.600m^2 đất trồng cây hằng năm) tại thôn 9, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 552237 ngày 07/5/2015 mang tên ông S và bà T; tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4C, diện tích 150m được xây dựng năm 2007 (chưa đăng ký). Việc xác định thông tin giá trị tài sản bảo đảm được xác lập tại Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm lập ngày 29/8/2015 và Biên bản xác định lại giá trị tài sản bảo đảm lập ngày 01/12/2017 căn cứ trên sự thống nhất giữa bên vay và bên cho vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với hiện trạng tài sản thế chấp. Kết quả cho thấy, hiện trạng tài sản được xem xét là phù hợp với tài sản đã thế chấp, lô đất có địa chỉ tại đường 662, thôn 9, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai thuộc thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, có diện tích 2.000m^2, trong đó đất ở tại nông thôn là 400m^2 và đất trồng cây hàng năm là 1.600m^2. Lô đất có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn N;
- Phía Tây giáp suối;
- Phía Nam giáp suối;
- Phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 662.

Riêng đối với tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà tạm đã sập nát, hoàn toàn không có giá trị sử dụng.

Xét nội dung và hình thức của Hợp đồng thế chấp nói trên đã đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 117, 118, 119, 317, 318 và 319 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Chính vì vậy, trong trường hợp ông S và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - chi nhánh huyện K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện K xử lý quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 150850.03/HĐTC, lập ngày 29/08/2015 để thu hồi nợ.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với hiện trạng tài sản thế chấp. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã chi hết là 2.000.000 đồng. Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - chi nhánh huyện K đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền nói trên để chi phí cho buổi xem xét, thẩm định tại chỗ. Do đó, ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K toàn bộ số tiền 2.000.000 đồng đó.

[5]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 158, 227, 235, 238, 244, 264, 266, 267 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 119, 317, 318, 323, 463, 466, 468, 470 và 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/9/2021 là 220.177.170 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi đồng*) trong đó nợ gốc là 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn là 9.398.630 đồng (*Chín triệu ba trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*), nợ lãi quá hạn là 49.111.645 đồng (*Bốn mươi chín triệu một trăm mười một nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng*) và nợ lãi chậm trả là 1.666.895 đồng (*Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/9/2021) ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã xin rút tại phiên tòa đối với số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T không trả được nợ thì Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện K xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 150850.03/HĐTC, lập ngày 29/08/2015 giữa Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K với ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T được Ủy ban nhân dân xã Y chứng thực ngày chứng thực ngày 31/8/2015 để thu hồi nợ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

5. Về án phí:

- Buộc ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T phải chịu 11.008.859 đồng (*Mười một triệu không trăm lẻ tám nghìn tám trăm năm mươi chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng

N - Chi nhánh huyện K 5.458.690 đồng (*Năm triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009691 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Huy Viễn

Nơi nhận:
- ***TAND tỉnh Gia Lai;***
- ***VKSND huyện K;***
- ***Chi cục THADS huyện K;***
- ***Các đương sự;***
- ***Lưu hồ sơ vụ án.***